

BÁO CÁO TUẦN 03

20/01/2025 – 24/01/2025

*VN-Index kiểm tra lại đường viền cổ mô hình 2 đỉnh cũ
tại 1,250 – 1,254 điểm*

MỤC LỤC

1. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

3. PTKT VN-INDEX: *Kiểm tra lại đường viền cổ mô hình 2 đỉnh cũ tại 1,250 – 1,254 điểm*

4. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Dầu khí +5.46%*

5. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

6. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Diễn biến thị trường chứng khoán các nước

TTCK các nước	17/01/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
US (S&P500)	5996.6602	1.0%	2.9%	2.1%	25.4%
EU (EURO STOXX 50)	5148.2998	0.8%	3.4%	3.9%	15.6%
Trung Quốc (SHCOMP)	3241.821	0.2%	2.3%	-4.2%	13.9%
Nhật Bản (NIKKEI)	38451.46	-0.3%	-1.9%	-1.6%	8.4%
Hàn Quốc (KOSPI)	2523.55	-0.2%	0.3%	1.6%	3.4%
Singapore (STI)	3810.78	0.3%	0.2%	0.8%	21.4%
Thái Lan (SET)	1340.63	-0.9%	-2.0%	-4.2%	-2.7%
Phillipines (PCOMP)	6352.12	1.4%	-2.2%	-1.8%	-2.4%
Malaysia (KLCI)	1566.72	0.7%	-2.2%	-2.1%	5.9%
Indonesia (JCI)	7154.658	0.7%	0.9%	0.7%	-1.4%
Việt Nam (VNI)	1249.11	0.5%	1.5%	-1.3%	6.8%
Việt Nam (HNX)	222.48	0.7%	1.4%	-2.2%	-3.2%
Việt Nam (UPCOM)	93.11	0.7%	1.0%	0.0%	6.8%

Nguồn: Bloomberg

TTCK THẾ GIỚI

Thông tin tích cực giúp TTCK Hoa Kỳ tăng tốt tuần trước ngày nhậm chức Tổng thống

Cải thiện về lạm phát lõi trong báo cáo CPI tháng 12 và báo cáo lợi nhuận tích cực từ các ngân hàng lớn hỗ trợ các chỉ số CK Hoa Kỳ tăng tốt. Chỉ số DXY và lợi tức Trái phiếu đều giảm dù vậy các thị trường có thể biến động nhanh sau khi Tổng thống Hoa Kỳ nhậm chức.

- Các chỉ số CK Hoa Kỳ tăng lại bình quân 1.8%, EU600 +0.8%, Nikkei 225 -2.7%; CSI 300 +1.8%.
- Chỉ số hàng hóa tăng 3%, năng lượng (dầu +3.6%, gas +4%), kim loại (Vàng +1.1%, đồng 3.3%, thép 4.3%, ..) đồng loạt tăng điểm.
- Chỉ số DXY và lợi tức TP Hoa Kỳ 10y cùng giảm lần lượt -0.5% và -0.16% sau chuỗi tuần tăng điểm.

CPI Hoa Kỳ tháng 12 tăng 0.4% mom, cao hơn dự báo 0.3% của chuyên gia và khớp dự báo tăng 2.9% yoy. CPI lõi chỉ tăng 3.2% yoy, thấp hơn dự báo và mức tăng của tháng trước 3.3%. Giá nhà ở, chiếm 1/3 rổ CPI, chỉ tăng 0.3% mom và 4.6% yoy, mức tăng yếu nhất kể từ tháng 1/2022 và là điểm tích cực cho thấy áp lực chi phí nhà ở đang hạ nhiệt. Cùng với đó, nhóm cổ vấn kinh tế Tổng thống Trump đang nghiên cứu phương án tăng thuế theo từng tháng, dự kiến từ 2%-5%/tháng, cũng sẽ tránh gây sốc cho thị trường như kịch bản đề xuất trước đây.

Lãi suất 1 năm và 5 năm của Trung Quốc, lãi suất và biên bản chính sách tiền tệ BOJ; Diễn đàn kinh tế thế giới từ 20 – 24/1; PMI Anh, EU, Hoa Kỳ; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ và Tổng thống Donald Trump nhậm chức là thông tin chú ý trong tuần tới.

Diễn biến thị trường hàng hóa

Hàng hóa	Đơn vị	17/01/2025	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm
Vàng	USD/ozt	2,703.3	-0.4%	0.5%	4.6%	33.6%
Bạc	USD/ozt	30.4	-1.5%	-0.1%	3.5%	33.5%
Thép HRC	USD/T.	695.0	-0.1%	-1.3%	2.2%	-35.0%
Nhôm	USD/MT	2,691.0	1.9%	5.2%	7.5%	25.9%
Niken	USD/MT	15,959.1	0.9%	3.3%	4.0%	-0.2%
Quặng sắt	CNY/MT	803.5	1.1%	4.8%	0.6%	-20.3%
Dầu Brent	USD/bbl.	80.8	-0.6%	1.3%	10.1%	2.1%
Dầu WTI	USD/bbl.	77.9	-1.0%	1.7%	10.3%	5.1%
Xăng	USd/gal.	211.2	-0.5%	1.8%	8.7%	-3.3%
Than đá	USD/MT	117.3	2.2%	3.3%	-8.6%	-9.0%
Đậu tương	USD/bu.	1,034.0	1.5%	2.0%	8.6%	-14.8%
Cao su	JPY/kg	387.5	0.0%	2.3%	4.3%	46.7%
Đường	USD/MT	478.6	-1.3%	-4.9%	-6.5%	-26.5%

Nguồn: Bloomberg

TTCK VIỆT NAM

Thị trường hồi từ vùng đáy, thanh khoản cải thiện

VN-Index tăng 1.5% lấy lại phần lớn số điểm giảm tuần trước cùng với thanh khoản tăng 24%. Trong tuần HĐTL đảo hạn, các cổ phiếu lớn lại hồi phục đáng kể so tuần trước kết thúc 2 tuần giảm điểm.

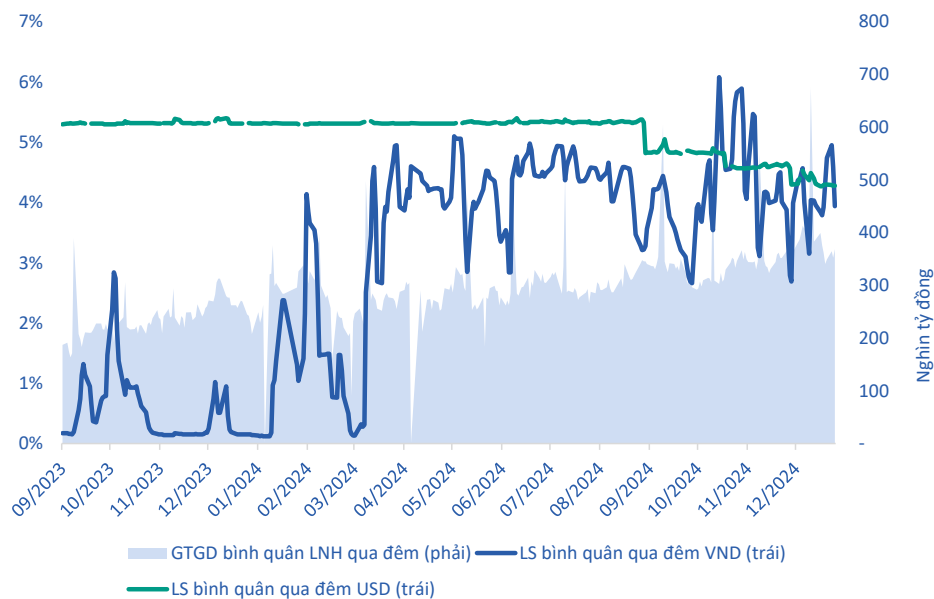
- Sau tuần giảm mạnh, các cổ phiếu lớn dần hồi phục. 4/5 cổ phiếu Ngân hàng có mức đóng góp điểm lớn nhất cho thị trường và có 64% số cổ phiếu tăng điểm.
- Thị trường vẫn có sự hóa rộng với 8/18 ngành giảm điểm, vận động ngành chưa rõ rệt.
- Khối ngoại gia tăng lượng bán ròng 182 triệu USD, tập trung vào cổ phiếu VIC sau khi đã bán ròng 45 triệu USD tuần trước.

Ngay sau Nghị quyết 01 được Chính phủ ban hành với trọng tâm tăng trưởng GDP ít nhất 8%, phần đầu hai con số; đột phá về thể chế là “đột phá của đột phá”; hoàn thành sắp xếp tổ chức bộ máy và hoàn thiện kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ. Nghị quyết 02 đề các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ, tăng số lượng doanh nghiệp mới, tháo gỡ pháp lý thực hiện dự án, nâng cao chất lượng ngành nghề có điều kiện, tháo gỡ điểm nghẽn cơ chế chính sách ưu đãi công nghệ cao, đổi mới kiểm tra chuyên ngành với hàng hóa và nâng các chất lượng các dịch vụ kinh doanh. Các chính sách đã được ban hành sớm và tập trung vào những điểm cần cải thiện trong những năm qua.

Tâm lý nghỉ ngơi sẽ diễn ra trước kỳ nghỉ Lễ, dù vậy NĐT tiếp cân nhắc tăng tỷ trọng cổ phiếu cho tầm nhìn đầu tư 2025 như khuyến nghị trong tuần trước.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến thị trường liên ngân hàng



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch trên OMOs (đvt: tỷ đồng)

Tuần	Giá trị hút	Giá trị bơm	Giá trị bơm ròng	Outstanding
Tuần 47	103,599.7	109,250.0	5,650.3	49,950.0
Tuần 48	77,980.0	61,949.9	(16,030.2)	33,919.8
Tuần 49	74,474.9	33,950.0	(40,524.9)	(6,605.0)
Tuần 50	46,950.0	53,549.9	6,599.9	(5.1)
Tuần 51	101,422.9	29,971.9	(71,451.0)	(71,456.1)
Tuần 52	24,806.9	101,372.9	76,566.0	5,109.9
Tuần 53	61,140.0	72,396.2	11,256.2	16,366.1
Tuần 1	142,736.1	90,139.9	(52,596.2)	(36,230.1)
Tuần 2	87,749.9	98,380.0	10,630.1	(25,600.0)

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng trong tuần

	Qua đêm	1 tuần	1 tháng	3 tháng
Lãi suất LNH BQ	4.49%	4.80%	4.99%	5.52%
So với tuần trước	+0.37%	+0.42%	+0.13%	+0.34%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	361,928.3	7,236.0	6,670.0	5,571.3
So với tuần trước	-0.98%	-51.75%	-0.55%	+38.43%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 15/01/2025

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 2, SBV đã phát hành 32,750.0 tỷ đồng giá trị tín phiếu, đồng thời mua 43,000.0 tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng cộng, SBV đã bơm ròng 10,630.1 tỷ đồng qua OMOs.
- Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục giao dịch trong biên độ rộng.

PTKT: Kiểm tra lại đường viền cổ mô hình 2 đỉnh cũ tại 1,250 – 1,254 điểm

Đồ thị ngày: Phiên hồi phục đầu tuần đã mở cơ hội cho VN-Index hồi phục khi lực cầu bắt đáy tăng. Chỉ số vượt lại 1240 điểm và tiếp tục tạo ra khoảng cách an toàn với đáy ngắn hạn. Dải giá đã quay trở lại dải bollinger band. Các chỉ báo kỹ thuật không giảm về vùng quá bán mà tăng dần về mức trung tính. Giá cũng đang vận động ở vùng khối lượng tích lũy thấp.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ 33 lên 49 điểm.
- MACD giữ dưới đường tín hiệu và mức 0. Thanh khoản tăng 24% với giao dịch tuần trước.
- VN-Index vận động dưới SMA 20, SMA 50, 100 và 200.

Kết luận: VN-Index vượt qua 1,240 điểm, giảm áp lực giảm điểm và đẩy nhanh quá trình thiết lập đáy ngắn hạn. Chỉ số tiếp tục xu hướng hồi phục về ngưỡng cản 1,250 – 1,254 điểm trước khi hình thành vùng tích lũy tạo động lực. Dù vậy, tâm lý nghỉ Lễ tuần tới khiến cho xu hướng vận động và dòng tiền thu gọn, diễn biến giằng co sẽ tiếp tục chủ đạo trong tuần tới.



Nguồn: FireAnt

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% Tăng	Điểm số
TCB	4.27	1.71
VCB	1.20	1.50
HPG	3.72	1.47
LPB	5.63	1.23
HDB	4.17	0.76
GVR	2.68	0.73
BID	1.02	0.67
FPT	1.15	0.60
PLX	4.99	0.59
MBB	1.65	0.52
Tổng		9.76

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% Giảm	Điểm số
CTG	-0.80	-0.40
NVL	-6.45	-0.30
LGC	-6.87	-0.22
BCM	-1.14	-0.20
VRE	-1.78	-0.17
STG	-12.65	-0.13
VPB	-0.27	-0.10
SAB	-0.37	-0.06
CKG	-11.26	-0.06
BMP	-2.00	-0.05
Tổng		-1.68

Khối ngoại mua ròng

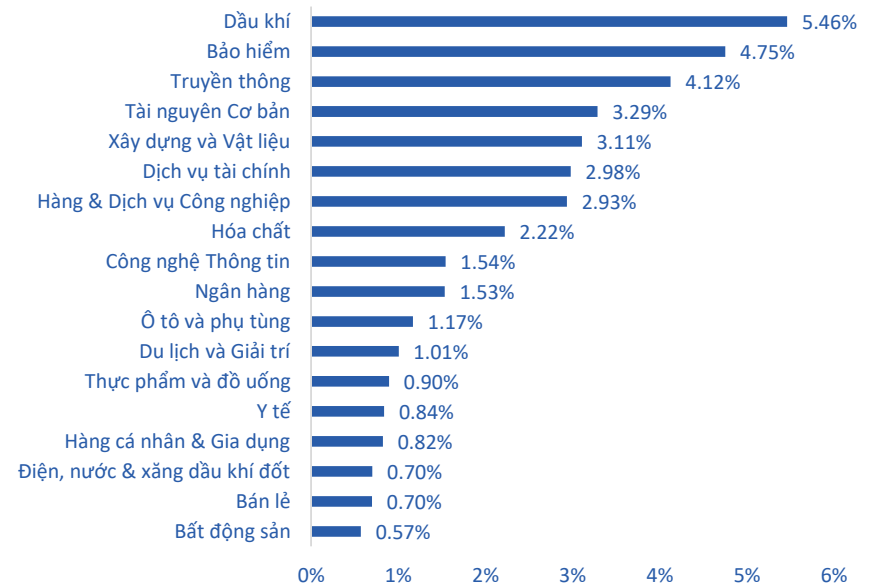
Mã	Mua ròng (tỷ đồng)
KBC	86.32
HDB	82.91
VGC	55.62
YEG	23.33
PVT	21.78
VCG	17.97
GEX	16.87
TNH	13.52
DBC	10.73
HHV	9.55
Tổng	338.61

Khối ngoại bán ròng

Mã	Bán ròng (tỷ đồng)
VIC	-2067.62
FPT	-798.62
STB	-351.24
SSI	-218.96
CTG	-197.95
VCB	-144.60
HPG	-139.56
DGC	-108.50
VPB	-105.74
ACV	-93.22
Tổng	-4226.01

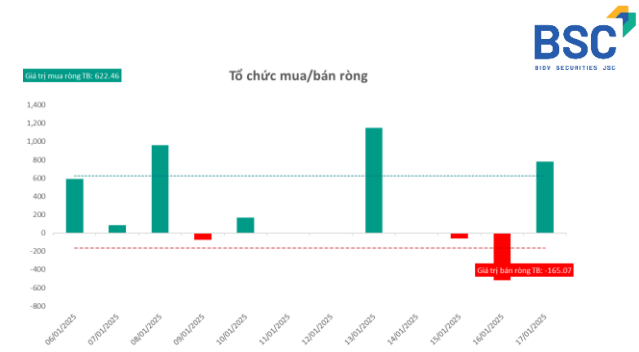
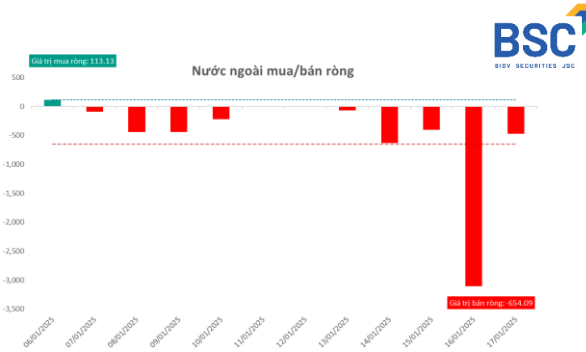
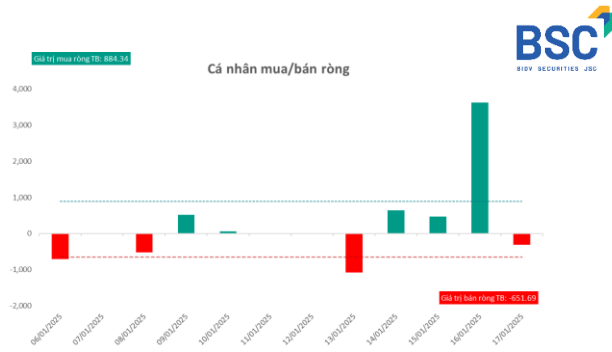
Vận động ngành

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng
Dầu khí	0.66%	5.46%	2.58%
Bảo hiểm	1.75%	4.75%	0.08%
Truyền thông	5.73%	4.12%	-0.64%
Tài nguyên Cơ bản	0.74%	3.29%	-1.59%
Xây dựng và Vật liệu	0.60%	3.11%	5.35%



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐT NN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị	Mã	Khối lượng	Giá trị
MWG	2,775,200	164.95	STB	4,307,800	(150.10)	KBC	2,916,201	86.32	VIC	51,119,724	(2,067.62)	VIC	51,623,124	2,087.71	KBC	33,163,001	(1,013.37)
E1VFN30	5,515,400	124.77	EIB	2,486,200	(48.37)	HDB	3,826,024	82.91	FPT	5,455,456	(798.62)	FPT	4,694,563	684.75	OCB	9,296,600	(97.10)
FPT	422,505	63.45	VHM	1,177,700	(47.11)	VGC	1,139,300	55.62	STB	9,961,187	(351.24)	STB	12,692,440	445.93	MBB	3,931,863	(84.11)
MBB	2,867,673	61.23	CTG	1,195,000	(44.21)	YEG	1,547,701	23.33	SSI	8,991,221	(218.96)	CTG	6,179,069	225.68	VGC	1,650,500	(80.60)
VCI	1,802,400	57.58	TCB	1,863,000	(43.62)	PVT	821,073	21.78	CTG	5,433,069	(197.95)	SSI	8,240,201	201.33	CTD	929,667	(67.79)
PC1	2,546,500	55.85	HDB	1,878,781	(40.26)	VCG	945,220	17.97	VCB	1,566,894	(144.60)	NAB	10,389,953	169.49	PLX	1,436,810	(56.88)
CTR	423,500	53.44	VCB	436,100	(40.05)	GEX	891,000	16.87	HPG	5,350,636	(139.56)	VPB	6,384,801	116.55	NLG	1,628,700	(54.76)
SSI	2,180,400	52.39	VIC	845,000	(33.88)	TNH	691,395	13.52	DGC	993,019	(108.50)	HPG	3,865,332	100.62	VSC	2,893,403	(48.70)
VPB	2,444,399	44.74	MSN	512,800	(33.82)	DBC	399,787	10.73	VPB	5,798,500	(105.74)	VRE	6,123,226	100.40	TCB	1,741,400	(41.92)
FUEVFNDD	1,046,200	33.50	ACB	1,218,065	(29.98)	HHV	746,333	9.55	MWG	1,548,971	(88.35)	MSN	1,528,014	99.46	PC1	1,614,221	(35.82)

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	92.5	-0.2%	0.7	20,374	4.1	6,194	14.9	0.0	22.9%	Link
BID	Ngân hàng	39.5	0.3%	1.40	10,737	2.4	4106	9.6	-	13.9%	Link
VPB	Ngân hàng	18.4	0.3%	1.00	5,769	3.2	1663	11.1	-	25.1%	Link
TCB	Ngân hàng	24.4	2.3%	1.30	6,793	9.6	3207	7.6	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	21.5	0.5%	1.10	5,170	3.8	4021	5.3	26,600	20.2%	Link
STB	Ngân hàng	35.8	0.8%	1.40	2,656	8.1	4640	7.7	-	23.5%	Link
CTG	Ngân hàng	37.2	1.1%	1.60	7,872	5.8	4035	9.2	-	297.0%	Link
ACB	Ngân hàng	25	0.4%	0.80	4,392	2.3	3638	6.9	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	24.6	0.6%	1.60	1,898	6.8	1490	16.5	-	39.9%	Link
IDC	BĐS KCN	54.4	0.2%	1.10	708	1.3	6634	8.2	65,700	22.5%	Link
HPG	VLXD	26.5	0.8%	1.10	6,680	14.6	1905	13.9	41,500	21.6%	Link
HSG	VLXD	17.5	1.2%	1.60	428	1.9	836	20.9	25,300	9.6%	Link
VHM	BĐS	40	0.2%	0.70	6,491	6.6	4700	8.5	108,300	11.6%	Link
KDH	BĐS	34.4	0.1%	1.20	1,371	1.6	522	65.9	44,500	37.2%	Link
NLG	BĐS	33.1	1.2%	1.40	502	1.6	793	41.7	-	43.3%	Link
DGC	Hóa chất	109.8	0.0%	1.40	1,643	3.4	7791	14.1	115,000	18.0%	Link
DCM	Phân bón	33.7	0.6%	1.00	703	1.2	2917	11.6	38,700	5.8%	Link
GAS	Dầu khí	66.8	-0.1%	0.40	6,167	0.8	4728	14.1	-	1.7%	Link
PVS	Dầu khí	32.6	2.5%	1.20	614	2.6	1919	17.0	57,000	19.2%	Link
PVD	Dầu khí	23.3	3.3%	1.50	510	3.7	1211	19.2	38,400	9.7%	Link
POW	Tiện ích	11.8	-0.8%	0.70	1,084	1.2	597	19.7	17,100	3.7%	Link
VHC	Thủy sản	67.1	-0.3%	1.20	594	1.3	3814	17.6	108,500	27.6%	Link
GMD	Logistics	62	1.3%	0.80	1,012	2.1	4315	14.4	90,400	45.7%	Link
VNM	Bán lẻ	62	0.2%	0.40	5,106	2.2	4591	13.5	93,100	51.3%	Link
MSN	Bán lẻ	65.9	-0.6%	1.00	3,929	4.4	898	73.4	110,000	23.9%	Link
MWG	Bán lẻ	57.7	-0.2%	1.10	3,323	6.1	2028	28.4	-	46.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	95.2	0.2%	1.20	1,268	0.4	5960	16.0	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	37.7	0.9%	1.80	326	1.2	1809	20.8	66,600	19.6%	Link
FPT	Công nghệ	149	1.7%	1.20	8,638	20.8	5129	29.1	107,900	45.3%	Link
CTR	Công nghệ	129	0.2%	1.50	582	4.1	4640	27.8	-	9.7%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Nguồn: BSC Research

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
HDB	Ngân hàng	22.5	3.7%	1.2	3,099	11.8	4,461	5.0	1.3	17.3%	29.1%
VIB	Ngân hàng	19.8	0.8%	1.1	2,330	4.0	2,412	8.2	1.5	5.0%	18.9%
TPB	Ngân hàng	16.2	0.6%	1.4	1,682	2.8	1,840	8.8	1.2	29.9%	14.2%
MSB	Ngân hàng	10.9	0.5%	1.1	1,117	1.3	1,687	6.5	0.8	27.5%	13.3%
EIB	Ngân hàng	18.3	0.0%	0.8	1,343	1.3	1,447	12.6	1.4	2.3%	11.8%
HCM	Chứng khoán	28.5	0.9%	1.8	809	4.4	1,409	20.2	2.0	44.2%	10.9%
VCI	Chứng khoán	32.4	0.2%	1.6	918	2.6	1,419	22.9	2.2	25.1%	10.2%
VND	Chứng khoán	12.2	-0.8%	1.6	729	2.5	1,503	8.1	1.0	11.5%	13.0%
BSI	Chứng khoán	44.5	0.0%	2.1	391	0.2	1,732	25.7	2.0	40.9%	8.1%
SHS	Chứng khoán	12.2	2.5%	1.8	391	2.4	1,178	10.4	0.9	2.6%	9.1%
CTD	Xây dựng	74.0	1.5%	1.3	291	4.9	3,361	22.0	0.9	49.0%	3.9%
HHV	Xây dựng	12.6	0.0%	1.4	215	4.7	835	15.1	0.6	9.0%	4.5%
LCG	Xây dựng	10.6	1.4%	1.5	81	1.1	825	12.9	0.8	2.0%	6.2%
SZC	BĐS KCN	42.0	1.4%	1.1	298	2.2	1,572	26.7	2.5	2.3%	12.0%
SIP	BĐS KCN	81.2	2.0%	1.3	674	1.0	5,635	14.4	4.0	4.7%	29.7%
PHR	BĐS KCN	51.3	1.0%	0.9	274	0.1	2,858	17.9	1.8	18.0%	10.5%
DIG	BĐS	18.4	0.3%	1.6	442	2.8	135	136.6	1.5	4.3%	1.0%
CEO	BĐS	12.6	4.1%	1.9	268	2.7	316	39.9	1.1	4.1%	2.1%
KBC	BĐS KCN	29.8	-0.2%	1.3	903	4.4	549	54.3	1.2	19.2%	2.6%
VGC	BĐS KCN	49.6	1.4%	1.1	876	2.1	1,312	37.8	2.7	4.8%	5.9%
GVR	BĐS KCN	28.8	1.1%	1.7	4,532	1.5	851	33.8	2.2	0.3%	7.3%
NKG	VLXD	14.0	0.4%	1.7	246	1.4	1,736	8.0	0.6	4.6%	8.1%
BMP	VLXD	127.4	0.5%	1.2	411	0.5	12,420	10.3	3.5	84.3%	34.4%
IJC	BĐS	13.6	0.4%	1.2	202	0.4	729	18.7	1.0	4.6%	6.3%
DXG	BĐS	15.0	0.7%	1.4	515	2.7	197	76.1	1.0	15.8%	1.7%
VRE	BĐS	16.6	0.0%	1.2	1,482	2.9	1,795	9.2	0.9	18.6%	10.5%
PDR	BĐS	18.8	1.3%	1.8	649	1.9	500	37.7	1.5	7.7%	4.4%
DIG	BĐS	18.4	0.3%	1.6	442	2.8	135	136.6	1.5	4.3%	1.0%
HUT	Xây dựng	15.9	-0.6%	0.7	559	0.4	75	211.6	1.6	1.4%	1.3%
C4G	Xây dựng	8.1	1.2%	1.00	-	0.2	573	14.1	0.7	0.0%	5.3%

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CSV	Hóa chất	43.1	-0.2%	1.6	188	1.8	2,122	20.3	3.3	3.4%	17.4%
DHC	Hóa chất	37.0	1.1%	1.1	117	0.5	3,330	11.1	1.5	40.5%	14.1%
DRC	Cao su	28.0	0.5%	0.9	131	0.2	2,259	12.4	1.7	8.8%	14.4%
PC1	Tiện ích	22.6	1.1%	1.1	318	1.4	1,511	14.9	1.3	13.0%	9.7%
HDG	Tiện ích	27.6	1.8%	1.5	366	2.2	2,116	13.0	1.5	19.9%	12.6%
GEX	Tiện ích	19.1	0.0%	1.5	647	2.1	1,207	15.8	1.2	5.8%	7.1%
QTP	Tiện ích	13.8	0.7%	0.5	-	0.1	1,500	9.2	1.2	0.9%	12.5%
PLX	Dầu khí	40.0	0.0%	0.7	2,003	1.2	2,350	17.0	2.0	17.4%	11.6%
BSR	Dầu khí	21.9	0.0%	1.1	2,676	4.0	966	22.7	1.2	0.6%	5.3%
PLC	Dầu khí	25.8	1.2%	1.2	82	0.6	611	42.2	1.7	0.3%	3.9%
ANV	Thủy sản	18.7	0.3%	1.2	196	0.6	315	59.3	0.9	1.2%	1.4%
PTB	VLXD	62.5	2.5%	1.2	165	0.2	4,944	12.6	1.5	23.3%	11.8%
VSC	Logistics	16.8	0.9%	1.1	189	2.1	737	22.7	1.1	2.6%	8.0%
HAH	Logistics	52.1	1.6%	0.9	249	5.7	3,571	14.6	2.1	14.0%	14.9%
VTP	Logistics	162.3	1.7%	1.3	779	3.3	2,929	55.4	13.2	7.3%	23.9%
DBC	Bán lẻ	26.6	0.0%	1.6	352	2.6	1,604	16.6	1.4	8.4%	9.6%
FRT	Bán lẻ	187.0	1.5%	0.9	1,004	3.2	775	241.4	14.1	37.1%	9.0%
QNS	Bán lẻ	50.9	1.0%	0.6	-	0.3	6,553	7.8	2.0	12.0%	27.8%
TNG	Dệt may	23.6	1.7%	1.2	114	0.6	2,427	9.7	1.5	16.0%	16.3%
PVT	Logistics	26.7	1.1%	1.0	375	1.9	3,130	8.5	1.3	12.4%	15.6%
DPM	Phân bón	34.3	0.6%	1.1	529	1.0	1,700	20.2	1.2	8.6%	5.9%
REE	Tiện ích	66.7	1.7%	1.0	1,238	1.5	3,860	17.3	1.7	49.0%	10.2%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyễn Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Đỗ Thu Phương

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Định lượng

Phuongdt@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Vĩ mô – Thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84439352722

Fax: +84422200669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Tel: +84838218885

Fax: +84838218510

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659 ☎

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Bloomberg: RESP BSC ResearchV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký